

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HC-ST
Ngày 18 - 3 - 2022
V/v khiếu kiện các quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Kim Xuyên

Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2018/TLST-HC ngày 15 tháng 01 năm 2018 về khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-HC ngày 04 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Nhật X; địa chỉ cư trú: Số 37 đường A, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Chị Nguyễn Thị L; địa chỉ cư trú: Quốc lộ 1A, phường X, thị xã S, tỉnh P là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Nhật X (Văn bản ủy quyền ngày 01/8/2019) (Vắng mặt)

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Tuấn T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (Văn bản ủy quyền số 02/GUQ-UBND ngày 15/01/2021) (Vắng mặt)

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Công V – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q (Văn bản ủy quyền số 15/GUQ-UBND ngày 22/7/2019) (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tuấn T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (Văn bản ủy quyền số 02/GUQ-UBND ngày 15/01/2021) (Vắng mặt)

2. Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Công V – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q (Văn bản ủy quyền số 15/GUQ-UBND ngày 22/7/2019) (Vắng mặt)

3. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Anh T – Phó Trưởng phòng Bồi thường giải phóng mặt bằng thuộc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định (Văn bản ủy quyền số 571/TTPTQĐ-BTGPMB ngày 16/9/2020) (Vắng mặt)

4. Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Quang T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

5. Công ty A; địa chỉ: Khu 3, phường T, thành phố H, tỉnh Q.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Công C – Giám đốc Công ty A. (Vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Thị T – Sinh năm: 1945; trú tại: Tổ 1, khu vực 7, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Nguyễn Nhật X và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện là chị Nguyễn Thị L thống nhất trình bày:

[1] Ông Nguyễn Nhật X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 3326/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Nhật X (viết tắt là QĐ 3326);

- Hủy Quyết định số 9695/QĐ-KPHQ ngày 16/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra về lĩnh vực đất đai (viết tắt là QĐ 9695);

- Hủy Quyết định số 301/QĐ-CC ngày 21/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra về lĩnh vực đất đai (viết tắt là QĐ 301);

- Yêu cầu để cho ông X được tiếp tục sử dụng đất và nhà do Công ty A đã cấp và ông X tiếp tục được thực hiện các quyền và nghĩa của người sử dụng đất theo quy định vì ông X chưa nhận được quyết định thu hồi đất từ các cơ quan có thẩm quyền.

- Buộc Hội đồng giải phóng mặt bằng phải bồi thường cho ông X số tiền là 85.000.000 đồng là giá trị ngôi nhà mà ông X đã được Công ty A cấp hiện nay đã bị tháo dỡ.

[2] Căn cứ để ông X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề nói trên:

- Trước kia, ông X và con gái là chị Nguyễn Thị B cùng công tác tại Công ty A (nay là Công ty A); năm 1989, chị B được công ty cấp cho 01 ngôi nhà tại khu tập thể trường 5 (nay là khu dân cư mặt bằng Công ty A tại tổ 1, khu vực 7, phường B, thành phố Q); năm 1995, ông X được công ty cấp cho một ngôi nhà ở số 5, dãy 10H tại khu tập thể trường 5 và công ty có ban hành quyết định kèm theo. Ngôi nhà của ông X nằm liền kề giáp lưng với ngôi nhà của chị Bình, có cửa thông nhau; sau khi được cấp nhà, ông X đã tự cải tạo, sửa chữa nhà để ở và bà Nguyễn Thị T (vợ ông) sử dụng nhà để nấu rượu, chăn nuôi gia cầm từ khi được cấp nhà cho đến trước khi ngôi nhà của ông bị tháo dỡ. Căn cứ quy định tại điểm g khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai “*Giấy tờ về việc giao, phân, cấp nhà hoặc đất của cơ quan, tổ chức được Nhà nước giao quản lý, sử dụng đất*” thì quyết định cấp cho ông X một ngôi nhà ở số 5, dãy 10H tại khu tập thể trường 5 của Công ty A vào năm 1995 là một trong các căn cứ chứng minh quyền sở hữu nhà và đất hợp pháp của ông X đối với thửa đất bị thu hồi.

- Hộ khẩu thường trú của ông X từ trước năm 2013 đăng ký tại Căn hộ tập thể trường 5 tại Công ty A.

- Bản tự khai của ông Phạm Công C – Đại diện cho Công ty A đã khai: “*Quá trình Công ty công trình giao thông 508 (nay là Công ty A) có giao cho một số hộ gia đình công nhân, trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Nhật X quản lý tại phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định xảy ra từ năm 1995...*”

- Khi Công ty A tiến hành chuyển đổi từ công ty Nhà nước qua cổ phần hóa thì Công ty A đã bàn giao các nhà tập thể trường 5 cho cơ quan nhà đất của Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định (viết tắt là UBND phường B) quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ quy định về việc chuyển công ty Nhà nước thành công ty cổ phần và khoản 4 Điều 14 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của

Chính phủ quy định về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần “*Đối với nhà ở cán bộ, công nhân viên đầu tư bằng nguồn Quỹ phúc lợi của doanh nghiệp, kể cả nhà ở được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước cấp thì chuyển giao cho cơ quan quản lý nhà đất của địa phương để quản lý*”. Thực tế là tất cả các hộ tại khu nhà tập thể trường 5 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt là GCN) theo quy định. Do đó, ông X cũng phải được cấp GCN vì đất ông X đã có nhà trước ngày 01/7/2004.

- Khi thực hiện dự án quy hoạch Khu dân cư mặt bằng tại Công ty A thì ông X không nhận được thông báo và quyết định thu hồi nhà đất từ các cơ quan có thẩm quyền. Mặt khác, việc thu hồi đất của ông X không phải để xây dựng các công trình cấp thiết phục vụ đời sống nhân dân (trường học, bệnh viện...) mà là để phân lô bán nền; do đó, ông X không thể bàn giao nhà đất cho dự án nói trên.

- Việc UBND phường B xác định sai nguồn gốc đất, sai đối tượng sở hữu nhà đất nên đã dẫn đến việc đền bù sai đối tượng là Công ty A. Do đó, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định và UBND phường B phải tự chi trả số tiền đền bù sai cho Nhà nước.

- Việc các cơ quan khi thực hiện dự án không có quyết định thu hồi đất đối với ông X mà đã tự ý đập phá, tháo dỡ nhà là không đúng quy định.

- Thuế chỉ là một trong những giấy tờ làm căn cứ để xác định thời điểm sử dụng đất chứ không phải là giấy tờ chứng minh nguồn gốc và quyền sở hữu nhà đất.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, chị L cũng đã xác định trường hợp ông X được Công ty A cấp nhà nhưng không thu tiền; sau khi được cấp nhà, ông X vẫn đi đi về về để trông coi nhà và ông X có để cho bà T được sử dụng ngôi nhà để nấu rượu, nuôi gia cầm; từ năm 1995 cho đến khi Nhà nước thu hồi đất, ông X không thực hiện việc nộp thuế đối với phần nhà đất mà hiện nay ông X đang thực hiện việc khiếu nại; kể từ thời điểm biết thông tin Nhà nước thu hồi để làm khu dân cư tại vị trí đất của Công ty A, ông X chưa bao giờ thực hiện việc kê khai đối với nhà, đất và các tài sản có trên ngôi nhà ông X được Công ty A cấp vì cho đến nay, ông X chưa nhận được bất kỳ quyết định thu hồi đất nào.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính, bản sao các quyết định hành chính bị kiện, người khởi kiện còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, người khởi kiện không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác và không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Trần C – Nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và ông Nguyễn Tuấn T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định thống nhất trình bày:

Ngày 30/5/1994, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (viết tắt là UBND tỉnh Bình Định) ban hành Quyết định số 1939/QĐ-UB về việc giao đất xây dựng

xưởng, kho bãi và nhà ở tập thể công nhân của Công ty Công trình giao thông A; theo đó, UBND tỉnh Bình Định thu hồi 45.000m² đất xây dựng Trường Trung học A trước đây và hiện nay Công ty Công trình giao thông A đang sử dụng, giao cho Công ty A tiếp tục sử dụng diện tích đất nói trên theo hiện trạng xây dựng xưởng, kho bãi và nhà ở tập thể công nhân.

Ngày 28/5/2001, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 1478/QĐ-UB về việc thu hồi đất do Công ty A không sử dụng; theo đó thu hồi 1.228,5m² đất do Công ty A quản lý nhưng lâu nay không sử dụng tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 26 tại phường B và giao khu đất bị thu hồi này cho Doanh nghiệp tư nhân T.

Dự án quy hoạch Khu dân cư mặt bằng tại Công ty A triển khai từ năm 2008. Ngày 26/6/2009, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 472/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng khu đất Công ty A tại phường B; theo đó, UBND tỉnh Bình Định thu hồi 42.216,6m² đất do Công ty A sử dụng thuộc tờ bản đồ số 26 và giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.

Tại thời điểm thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định đã phối hợp với Công ty A và các ngành có liên quan tiến hành triển khai, kiểm kê toàn bộ tài sản bị thiệt hại của Công ty A. Tuy nhiên, trên mặt bằng khu đất của Công ty A có tài sản của một số hộ dân; do đó, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định đã phối hợp với UBND phường B và Công ty A họp dân thông báo cho tất cả những hộ dân có tài sản nằm trong khu đất của Công ty A đến để phổ biến chủ trương chính sách bồi thường và thực hiện kê khai tài sản bị thiệt hại.

Ngày 27/8/2012, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định phối hợp với UBND phường B, Công ty A và 49 hộ dân tiến hành đo đạc diện tích thực tế và kiểm kê tài sản của 49 hộ dân đang sử dụng trên phần của Công ty A đang quản lý để UBND phường B có cơ sở tiến hành xác minh nguồn gốc sử dụng nhà, đất của các hộ (*Trong 49 hộ nêu trên không có hộ ông Nguyễn Nhật X*)

Trên cơ sở xác nhận nguồn gốc nhà, đất, tài sản trên đất của UBND phường B, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định đã lập phương án tính toán bồi thường, hỗ trợ và đền bù công khai danh sách các hộ dân bị thu hồi nhà, đất, tài sản trên được bồi thường, hỗ trợ để có ý kiến phản hồi. Sau đó, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định đã trình phương án bồi thường, hỗ trợ và đền bù được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 17/4/2013, Quyết định số 3420/QĐ-UBND ngày 18/11/2013, Quyết định số 4588/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 (*Trong suốt quá trình nêu trên, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định không nhận được bất kỳ đơn khiếu nại nào của ông Nguyễn Nhật X*)

Tại vị trí ông X chỉ nhà ở được Công ty A cấp thuộc một phần dãy nhà kho lợp ngói, nền xi măng, tường gạch quét vôi, cao < 3m, nhà cấp N8, diện tích 5,5m x 30m = 165m²; dãy nhà kho này đã được Công ty A kê khai là tài sản của công ty. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định đã tính bồi thường tài sản cho Công ty A, không bồi thường về đất.

Ông X có cung cấp một quyết định cấp đất của Công ty A với nội dung: Công ty A cấp cho ông X một căn hộ tại Khu trường 5 để ở; quyết định cấp không số, ngày 09/6/1995, quyết định ký năm 1995 nhưng lại căn cứ biên bản cuộc họp ngày 20/7/1997 của Công ty A là không phù hợp thời gian và ông Trần Thanh T – Phó Giám đốc Công ty A là người ký quyết định. Qua xác minh, ông Trì xác nhận: Thực hiện chủ trương của Tổng công ty về việc cấp căn hộ cho công nhân, ông có ký quyết định cấp nhà cho ông X, không thu tiền nhà vì căn hộ hư hỏng, xuống cấp, cấp cho ông X để sửa chữa, xây dựng lại ở nhưng ông X không sửa chữa, không ở tại vị trí được cấp ngày nào kể từ ngày công ty ký quyết định cấp nhà cho đến khi thực hiện Dự án quy hoạch Khu dân cư mặt bằng tại Công ty A.

UBND phường B đã tổ chức họp Khu dân cư để lấy ý kiến các hộ dân tại các tổ 1, 11 thuộc khu vực 7, phường B (gần kề mặt bằng Công ty A) xác nhận: Thời gian trước khi thực hiện Dự án khu dân cư, ông X không có ở tại dãy nhà của Công ty A (dãy nhà hiện nay đã được giải phóng mặt bằng, phía sau nhà bà Nguyễn Thị T).

Như vậy, qua kiểm tra ông X không có nhà, đất tại mặt bằng dự án; Công ty A cấp cho ông X một căn hộ tại Khu trường 5 để ở nhưng ông X không ở. Thực hiện Dự án khu dân cư, Công ty A đã kê khai gian nhà này là tài sản công ty; Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định đã tiến hành chi trả tiền xong cho công ty và các hộ dân có tài sản bị thiệt hại. Ông X khiếu nại yêu cầu bồi thường và cấp đất tái định cư vì cho rằng ông có nhà, đất tại mặt bằng Công ty A bị thu hồi tại thời điểm thực hiện Dự án khu dân cư và ngày 21/9/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (viết tắt là Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định) ban hành QĐ 3326 không chấp nhận khiếu nại nói trên của ông X.

Việc giao đất, thu hồi đất thực hiện công tác giải phóng mặt bằng đối với khu đất Công ty A quản lý sử dụng và trình tự, thủ tục, căn cứ để ban hành QĐ 3326 được thực hiện đúng quy định. Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định và UBND tỉnh Bình Định không đồng ý với yêu cầu khởi kiện hủy QĐ 3326 của ông X; ngoài ra, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định và UBND tỉnh Bình Định không có trình bày hoặc yêu cầu nào khác.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Công V – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q trình bày:

Đội Trật tự đô thị thành phố Q nhận được các Báo cáo số 189/UBND-ĐC ngày 31/10/2018 và số 196/UBND-ĐC ngày 09/11/2018 của UBND phường B về việc đề nghị ban hành quyết định buộc khắc phục hậu quả, trả lại hiện trạng đất ban đầu đối với hành vi vi phạm hành chính của ông Nguyễn Nhật X tại khu vực 7, phường B.

Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ thì hành vi vi phạm của ông X thuộc thẩm quyền xử lý của Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định (viết tắt là UBND thành phố Q); do đó, Đội Trật tự đô thị thành phố Q đã tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định (viết tắt là Chủ tịch UBND thành phố Q) ban hành QĐ 9695 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính

gây ra về lĩnh vực đất đai và ngày 07/12/2018, UBND phường B đã có biên bản niêm yết quyết định nói trên.

Ngày 15/01/2019, Đội Trật tự đô thị thành phố Q nhận được Tờ trình số 09/TTr-UBND của UBND phường B về việc đề nghị Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành quyết định cưỡng chế đối với ông X để thi hành QĐ 9695.

Xét đề nghị của Đội Trật tự đô thị thành phố Q tại Tờ trình số 14/TTr-TTĐT ngày 21/01/2019, ngày 21/01/2020, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành QĐ 301 về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra về lĩnh vực đất đai đối với ông X.

Qua quá trình xử lý vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Nhật X, Chủ tịch UBND thành phố Q nhận thấy ông X đã có các hành vi vi phạm hành chính gây ra về lĩnh vực đất đai; do đó, việc ông X khởi kiện yêu cầu hủy QĐ 9695 và QĐ 301 là không có cơ sở, Chủ tịch UBND thành phố Q và UBND thành phố Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện hủy các quyết định nói trên của ông X.

Ngoài ra, Chủ tịch UBND thành phố Q và UBND thành phố Q không có trình bày hoặc yêu cầu nào khác.

Người đại diện hợp pháp của người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Anh T – Phó Trưởng phòng Bồi thường giải phóng mặt bằng thuộc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định trình bày:

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Bình Định tại Văn bản số 1967/UBND-CN ngày 14/7/2006 về việc quy hoạch xây dựng khu dân cư tại mặt bằng Công ty A, phường B; Văn bản số 3379/UBND-NĐ ngày 29/10/2007 về việc thông báo thu hồi đất Công ty A và Quyết định số 472/QĐ-UBND ngày 26/6/2009 về việc thu hồi đất để bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng khu đất Công ty A tại phường B; theo đó, UBND tỉnh Bình Định thu hồi 42.216,6m² đất do Công ty A sử dụng thuộc tờ bản đồ số 26 và giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.

Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định đã phối hợp với Công ty A, UBND phường B và các ngành có liên quan triển khai, kiểm kê toàn bộ tài sản bị thiệt hại của Công ty A. Tuy nhiên, trên mặt bằng khu đất của Công ty A có tài sản của một số hộ dân; do đó, Ban quản lý giải phóng mặt bằng và Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định) đã phối hợp với UBND phường B và Công ty A họp dân thông báo cho tất cả những hộ dân có tài sản nằm trong khu đất của Công ty A đến để phổ biến chủ trương chính sách bồi thường và thực hiện kê khai tài sản bị thiệt hại (*Biên bản họp ngày 09/4/2012 và ngày 25/4/2012*)

Ngày 27/8/2012, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định phối hợp với UBND phường B, Công ty A và 49 hộ dân tiến hành đo đạc diện tích thực tế và kiểm kê tài sản của 49 hộ dân đang sử dụng trên phần của Công ty A đang quản lý để UBND phường B có cơ sở tiến hành xác minh nguồn gốc sử dụng nhà, đất của các hộ (*Trong 49 hộ nêu trên không có hộ ông Nguyễn Nhật X*)

Trên cơ sở xác nhận nguồn gốc nhà, đất, tài sản trên đất của UBND phường B, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định đã lập phương án tính toán bồi thường, hỗ trợ và đền bù công khai danh sách các hộ dân bị thu hồi nhà, đất, tài sản trên được bồi thường, hỗ trợ để có ý kiến phản hồi. Sau đó, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định đã trình phương án bồi thường, hỗ trợ và đền bù được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 17/4/2013, Quyết định số 3420/QĐ-UBND ngày 18/11/2013, Quyết định số 4588/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 (*Trong suốt quá trình nêu trên, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định không nhận được bất kỳ đơn khiếu nại nào của ông Nguyễn Nhật X*)

Ngày 03/12/2015, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định nhận được Phiếu chuyển đơn số 441/PC-BTCD ngày 29/11/2015 của Ban tiếp công tỉnh về việc chuyển đơn của ông Nguyễn Nhật X; theo đó, nội dung đơn khiếu nại của ông X xung quanh việc yêu cầu Nhà nước thực hiện bồi thường nhà và đất của ông có nguồn gốc do Công ty A cho ông tại Khu tập thể Trường 5, phường B.

Ngày 04/4/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định phối hợp với UBND phường B mời ông X đến tại hiện trường để xác định ranh giới, vị trí đất và phần nhà mà Công ty A cấp cho ông. Qua buổi làm việc, ông X tự xác định diện tích bị thu hồi 5m x 20m có vị trí giáp ranh với thửa đất của bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị B thuộc một phần dãy nhà kho của Công ty A (*Dãy nhà kho này đã được Công ty A kê khai là tài sản của công ty, đã tính bồi thường cho công ty, không bồi thường về đất*)

Ngày 12/4/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định có Văn bản số 81/TTPTQĐ-BTGPMB về việc trả lời đơn ông X; không đồng ý với nội dung văn bản trả lời nói trên, ông X đã nhiều lần làm đơn khiếu nại gửi đến các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu giải quyết bồi thường nhà cửa và cấp đất tái định cư cho ông.

Ngày 17/5/2016, Ban tiếp công tỉnh Bình Định đã có Phiếu chuyển đơn số 142/PC-BTCD về việc chuyển đơn của ông X đến Thanh tra tỉnh Bình Định và giao Thanh tra tỉnh Bình Định rà soát toàn bộ hồ sơ, báo cáo đề xuất UBND tỉnh Bình Định xem xét, chỉ đạo giải quyết.

Trên cơ sở đề xuất của Thanh tra tỉnh Bình Định, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định đã tiến hành đối thoại và ban hành QĐ 3326 có nội dung *“Không công nhận nội dung đơn của ông Nguyễn Nhật X ở tại nhà số 37 Âu Cơ, phường B, thành phố Q khiếu nại việc Nhà nước thu hồi nhà, đất của hộ gia đình ông (có nguồn gốc do Công ty A cấp cho hộ ông tại Khu tập thể Trường 5 thuộc Công ty A, phường B, thành phố Q) để thực hiện Dự án Quy hoạch khu dân cư nhưng không giải quyết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư...”*

Từ những căn cứ nói trên, việc thu hồi đất thực hiện công tác giải phóng mặt bằng đối với khu đất Công ty A quản lý sử dụng được thực hiện đúng quy định; do đó, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông X.

Ngoài ra, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định không có trình bày hoặc yêu cầu độc lập nào khác.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Bùi Quang T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B trình bày:

Khoảng sau năm 1997, Công ty A cấp cho ông Nguyễn Nhật X một căn hộ không thu tiền nhưng ông X không ở từ khi được công ty cấp cho đến khi thực hiện Dự án Quy hoạch khu dân cư. Vị trí căn nhà cấp cho ông X thuộc một phần dãy nhà kho.

Thực hiện việc kiểm kê nhà đất, tài sản trên đất đối với các hộ dân bị ảnh hưởng, ngày 27/8/2012, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định cùng với UBND phường B, Công ty A và các hộ dân bị thiệt hại tiến hành đo đạc diện tích đất của các hộ dân đang sử dụng tại mặt bằng Công ty A, trong đó không có đất của ông X, Công ty A đã kê khai dãy nhà kho này cho công ty, không bồi thường về đất.

Trong thời gian công khai phương án bồi thường từ ngày 31/8/2013, ông X không có bất cứ đơn thư nào liên quan đến ngôi nhà và đất ông đang khiếu nại. Đồng thời, căn cứ Biên bản họp khu dân cư để lấy ý kiến về chỗ ở của ông X tại mặt bằng Công ty A ngày 23/6/2016 thì thời gian trước khi thực hiện Dự án Quy hoạch khu dân cư tại mặt bằng Công ty A, ông X không có ở tại dãy nhà của công ty hiện nay đã bị giải tỏa (*Phía sau nhà bà Nguyễn Thị T*). Mặt khác, từ năm 1995 cho đến năm 2016, ông X không có thực hiện việc nộp thuế sử dụng đất hoặc nộp thuế nhà đất đối với phần nhà đất mà ông X cho rằng đã được Công ty A cấp cho ông.

Từ những căn cứ nói trên, UBND phường B không có cơ sở để xác nhận nguồn gốc sử dụng nhà đất cho ông Nguyễn Nhật X.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông X, UBND phường B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định; ngoài ra, UBND phường B không có trình bày hoặc yêu cầu nào khác.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Công C – Giám đốc Công ty A trình bày:

Quá trình công ty giao nhà, đất cho một số hộ gia đình công nhân trong đó có ông Nguyễn Nhật X quản lý xảy ra từ năm 1995. Từ năm 1995 cho đến nay, công ty đã nhiều lần thực hiện việc sáp nhập, chuyển đổi; năm 2005, trụ sở công ty di chuyển ra trú đóng tại phường B, thành phố H, tỉnh Q; năm 2015, công ty tiếp tục chuyển đến địa chỉ là khu 3, phường T, thành phố H, tỉnh Q. Toàn bộ hồ sơ liên quan đến vụ việc của ông X đã được bàn giao lại cho Chi nhánh Miền Trung.

Theo báo cáo của Chi nhánh Miền Trung thì vào năm 2009, trụ sở Văn phòng Chi nhánh Miền Trung tại phường B bị ngập lụt nhiều nay nên hiện nay, các tài liệu có liên quan đến việc giao đất cho các hộ gia đình công nhân ở tập thể đã bị mục nát hoặc thất lạc.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của ông X, công ty không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật; ngoài ra, công ty không có trình bày hoặc yêu cầu độc lập nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thái trình bày:

Bà là vợ hợp pháp của ông X. Từ trước đến nay, bà sinh sống với con gái tên Nguyễn Thị B tại ngôi nhà mà chị B được Công ty A giao quyền sử dụng hợp pháp. Ngoài ngôi nhà chị B được Công ty A giao quyền sử dụng hợp pháp mà bà đang ở chung thì từ trước đến nay bà không sống tại bất kỳ ngôi nhà nào khác. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông X, bà không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật; ngoài ra, bà không có trình bày hoặc yêu cầu độc lập nào khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 187 của Luật Tố tụng hành chính tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu, chứng cứ để có căn cứ giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

- Làm việc với vợ và con của ông X là bà Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị B, một số người làm chứng khác để xác định: Ông X có sinh sống tại căn hộ của Khu tập thể Công ty A nơi được cấp hay không? Sống vào thời gian nào? Căn hộ ông X được cấp có phải là nơi bà T sử dụng để trồng rau, chăn nuôi hay không? Và có việc ông X giao căn hộ cho bà T sử dụng không?

- Thu thập tài liệu chứng cứ để chứng minh khi thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường giải phóng mặt bằng, các cơ quan có thẩm quyền có thực hiện việc thông báo và niêm yết theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 hay không?

- Tiến hành làm việc với Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định, Công ty A và ông X để xác định Công ty A đã nhận tiền đền bù đối với căn hộ đã được cấp cho ông X là bao nhiêu? Hướng giải quyết đối với khoản tiền bồi thường nói trên?

Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; những người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có các yêu cầu độc lập nào khác.

Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hành chính đề Hội đồng xét xử xem xét, quyết định đối với yêu cầu của người khởi kiện ông Nguyễn Nhật X theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, các quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Các đương sự trong vụ án đã có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại các Điều 157, 158 của Luật Tố tụng hành chính thì Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[1.2] Ông Nguyễn Nhật X khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy QĐ 3326, QĐ 9695 và QĐ 301; yêu cầu để cho ông X được tiếp tục sử dụng nhà đất do Công ty A đã cấp và ông X tiếp tục được thực hiện các quyền và nghĩa của người sử dụng đất theo quy định vì ông X chưa nhận được quyết định thu hồi đất từ các cơ quan có thẩm quyền; buộc Hội đồng giải phóng mặt bằng phải bồi thường cho ông X số tiền là 85.000.000 đồng là giá trị ngôi nhà mà ông X đã được Công ty A cấp hiện nay đã bị tháo dỡ.

Theo quy định tại các khoản 2, 4 Điều 3 và Điều 30 của Luật Tố tụng hành chính thì yêu cầu để cho ông X được tiếp tục sử dụng nhà đất do Công ty A đã cấp và ông X tiếp tục được thực hiện các quyền và nghĩa của người sử dụng đất theo quy định vì ông X chưa nhận được quyết định thu hồi đất từ các cơ quan có thẩm quyền không phải là quyết định hành chính bị kiện hoặc hành vi hành chính bị kiện và không phải là khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 123 và điểm h khoản 1 Điều 143 của Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần đối với yêu cầu khởi kiện nói trên.

Vào các ngày 10/3/2017, 19/7/2017, 02/8/2017, 29/9/2017, 30/11/2017, 10/6/2019, 16/7/2019, 29/7/2019 và 14/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định nhận được các đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông X và chị L. QĐ 3326, QĐ 9695 và QĐ 301 là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và các khoản 3, 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính thì các yêu cầu khởi kiện còn lại của ông X và chị Loan là trong thời hiệu khởi kiện.

[2]. Xét tính hợp pháp của QĐ 3326, QĐ 9695 và QĐ 301:

[2.1] Xét tính hợp pháp về hình thức của QĐ 3326, QĐ 9695 và QĐ 301:

- Căn cứ quy định tại Điều 31 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011 và biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính thì hình thức văn bản của QĐ 3326 được ban hành đúng quy định.

- Căn cứ biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và

biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính thì hình thức văn bản của QĐ 9695 và QĐ 301 được ban hành đúng quy định.

[2.2] Xét tính hợp pháp và có căn cứ về nội dung QĐ 3326:

Theo lời khai của ông X và chị L thì ông X và con gái là chị Nguyễn Thị B cùng công tác tại Công ty A (nay là Công ty A); năm 1989, chị B được công ty cấp cho 01 ngôi nhà tại khu tập thể trường 5 (nay là khu dân cư mặt bằng Công ty A tại tổ 1, khu vực 7, phường B); năm 1995, ông X được công ty cấp cho một ngôi nhà ở số 5, dãy 10H tại khu tập thể trường 5 và công ty có quyết định kèm theo.

Theo đơn trình bày đề ngày 01/6/2016 (bút lục 107), ông X đã khai như sau: *“Sau khi tôi nhận được quyết định cấp nhà và đất từ Công ty A tại khu tập thể Trường 5, tôi đã sử dụng nhà; một thời gian sau đó vì tuổi đã cao và thường xuyên đau ốm nên không ở một mình được. Sau đó tôi đã chuyển về nhà vợ để ở tại địa chỉ 37 Âu Cơ – B – Q – Bình Định; từ đó tôi cũng thường xuyên đến nhà để trông nom nhà cửa, nuôi gia cầm và trồng hoa màu. ... Sau đó tôi bị đau nên phải nhiều lần về quê điều trị trong một thời gian dài nên khi nhà bị giải tỏa tôi không có mặt để kê khai nhưng sau đó tôi vẫn không nhận được đền bù...”*; văn bản trình bày chi tiết của ông X có nội dung như sau *“Bà Thái có sử dụng nhà tôi để nấu rượu và chăn nuôi gia cầm”*; đơn xin xác nhận đề ngày 27/7/2016 của ông X *“Nay tôi làm đơn này với lý do xác nhận bà Nguyễn Thị T là vợ của tôi đã sử dụng ngôi nhà tôi đang khiếu nại tại khu tập thể trường 5 từ năm 1999 để làm nhà bếp nấu rượu, trồng hoa màu...”*; Biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2019 (bút lục 242), chị L khai như sau *“Tôi xác định lại trường hợp ông X, Công ty A cấp nhà nhưng không thu tiền; sau khi được cấp nhà, ông X vẫn đi đi về về để trông coi nhà, ông X có để cho bà Thái sử dụng ngôi nhà để nấu rượu, chăn nuôi gia cầm...”*. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị T (vợ của ông X) và chị Nguyễn Thị B (con gái ông X) ngày 04/3/2019 (bút lục 178, 179), bà T và chị B đã xác định *“Từ trước đến nay, bà T sinh sống với con gái tên Nguyễn Thị B tại ngôi nhà mà chị B được Công ty A giao quyền sử dụng hợp pháp. Ngoài ngôi nhà chị B được Công ty A giao quyền sử dụng hợp pháp mà bà đang ở chung thì từ trước đến nay bà không sống tại bất kỳ ngôi nhà nào khác”* và ngoài ra, tại thời điểm thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án quy hoạch Khu dân cư mặt bằng tại Công ty A, bà T và chị B cũng có mặt tại địa phương nhưng không có ai có ý kiến gì. Do đó, việc ông X và chị L cho rằng sau khi được cấp nhà, ông X đã tự cải tạo, sửa chữa nhà để ở và bà Nguyễn Thị T (vợ ông) sử dụng nhà để nấu rượu, chăn nuôi gia cầm từ khi được cấp nhà cho đến trước khi ngôi nhà của ông bị tháo dỡ là không có căn cứ.

Tại Bản tự khai đề ngày 30/9/2020 của UBND phường B (bút lục 352): *“Từ năm 1995 cho đến năm 2016, ông X không có thực hiện việc nộp thuế sử dụng đất hoặc nộp thuế nhà đất đối với phần nhà đất mà ông X cho rằng đã được Công ty A cấp cho ông”*; nội dung trình bày nói trên của UBND phường B phù hợp với nội dung Biên bản lấy lời khai chị L ngày 07/10/2020 (bút lục 332) *“Từ năm 1995 cho đến khi Nhà nước thu hồi đất, cha tôi không thực hiện việc nộp thuế đối với phần nhà đất mà hiện nay tôi đang thực hiện việc khiếu nại”*.

Quyết định về việc Công ty A giao nhà đất cho ông X do ông X cung cấp không có số quyết định, ngày ban hành quyết định là ngày 09/6/1995 nhưng lại căn cứ biên bản cuộc họp ngày 20/7/1997 của Công ty A là không phù hợp về thời gian; nội dung của quyết định là cấp cho ông Nguyễn Nhật X một căn hộ tại Khu trường 5 để ở.

Theo Biên bản làm việc ngày 09/6/2016 (bút lục 109) đối với ông Trần Thanh T – Nguyên Phó Giám đốc Công ty A là người ký quyết định ngày 09/6/1995 cấp cho ông X một căn hộ tại Khu trường 5 để ở; ông Trì cung cấp thông tin như sau: *“Thực hiện chủ trương của Tổng công ty về việc cấp căn hộ cho công nhân, ông có ký quyết định cấp nhà cho ông Nguyễn Nhật X, việc cấp nhà đều có thu tiền nhưng đối với trường hợp của ông Nguyễn Nhật X thì không thu tiền vì căn hộ cấp cho ông X hư hỏng, xuống cấp nên cấp cho ông X để xây dựng, sửa chữa lại ở nhưng ông X không sửa chữa và không ở tại vị trí được cấp ngày nào (ông X không ở từ khi công ty ký quyết định cấp nhà cho đến khi thực hiện Dự án quy hoạch Khu dân cư mặt bằng tại Công ty A).”*

Nội dung trình bày nói trên của ông Trần Thanh T, bà Nguyễn Thị T (vợ của ông X), chị Nguyễn Thị B (con gái ông X) phù hợp với nội dung xác nhận của UBND phường B tại Văn bản số 58/UBND-ĐC ngày 24/6/2016 (bút lục 101b): *“Thời gian trước khi thực hiện dự án quy hoạch Khu dân cư tại mặt bằng Công ty A, ông Nguyễn Nhật X không có ở tại dãy nhà của Công ty A hiện nay đã bị giải tỏa (Phía sau nhà bà Nguyễn Thị T)”*; Biên bản tổ chức họp dân cư để lấy ý kiến về chỗ ở của ông Nguyễn Nhật X tại Công ty A ngày 23/6/2016 (bút lục 101a): *“Các hộ dân tại các tổ 1, 11 thuộc khu vực 7, phường B (gần kề mặt bằng Công ty A) đã xác nhận là thời gian trước khi thực hiện Dự án khu dân cư, ông X không có ở tại dãy nhà của Công ty A (dãy nhà hiện nay đã được giải phóng mặt bằng, phía sau nhà bà Nguyễn Thị T)”*.

Dự án quy hoạch Khu dân cư mặt bằng tại Công ty A triển khai từ năm 2008. Ngày 26/6/2009, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 472/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng khu đất Công ty A tại phường B; theo đó, UBND tỉnh Bình Định thu hồi 42.216,6m² đất do Công ty A sử dụng thuộc tờ bản đồ số 26 và giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Tại thời điểm thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định đã phối hợp với Công ty A, UBND phường B và các ngành có liên quan tiến hành triển khai, kiểm kê toàn bộ tài sản bị thiệt hại của Công ty A và họp dân thông báo cho tất cả những hộ dân có tài sản nằm trong khu đất của Công ty A đến để phổ biến chủ trương chính sách bồi thường và thực hiện kê khai tài sản bị thiệt hại (*Biên bản họp ngày 09/4/2012 và ngày 25/4/2012*). Ngày 27/8/2012, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định phối hợp với UBND phường B, Công ty A và 49 hộ dân tiến hành đo đạc diện tích thực tế và kiểm kê tài sản của 49 hộ dân đang sử dụng trên phần của Công ty A đang quản lý để UBND phường B có cơ sở tiến hành xác minh nguồn gốc sử dụng nhà, đất của các hộ (*Trong 49 hộ nêu trên không có hộ ông Nguyễn Nhật X*). Trên cơ sở xác nhận nguồn gốc nhà, đất, tài sản trên đất của UBND phường B, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định đã lập

phương án tính toán bồi thường, hỗ trợ và đã niêm yết công khai danh sách các hộ dân bị thu hồi nhà, đất, tài sản trên được bồi thường, hỗ trợ để có ý kiến phản hồi. Sau đó, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định đã trình phương án bồi thường, hỗ trợ và đã được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 17/4/2013, Quyết định số 3420/QĐ-UBND ngày 18/11/2013, Quyết định số 4588/QĐ-UBND ngày 31/12/2014. Tại vị trí ông X chỉ nhà ở được Công ty A cấp thuộc một phần dãy nhà kho lợp ngói, nền xi măng, tường gạch quét vôi, cao < 3m, nhà cấp N8, diện tích $5,5\text{m} \times 30\text{m} = 165\text{m}^2$. Dãy nhà kho này đã được Công ty A kê khai là tài sản của công ty và Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định đã tính bồi thường tài sản cho Công ty A, không bồi thường về đất, Công ty A cũng không có bất kỳ ý kiến khiếu nại nào đối với việc bồi thường, hỗ trợ nói trên. Trong suốt quá trình nêu trên, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại nào của ông Nguyễn Nhật X.

Theo Biên bản lấy lời khai chị Loan ngày 12/6/2019 (bút lục 242) “*Đối với yêu cầu buộc Hội đồng giải phóng mặt bằng phải bồi thường cho ông X số tiền là 85.000.000 đồng là giá trị ngôi nhà mà ông X đã được Công ty A cấp hiện nay đã bị tháo dỡ thì tôi không có căn cứ chứng minh việc ông X đã bỏ tiền sửa chữa, cải tạo ngôi nhà... Tôi xác định là kể từ thời điểm biết thông tin Nhà nước thu hồi đất để làm khu dân cư tại vị trí đất của Công ty A, ông X chưa bao giờ thực hiện việc kê khai đối với nhà, đất và các tài sản có trên ngôi nhà mà ông X được Công ty A cấp vì cho đến nay, ông X chưa nhận được bất kỳ quyết định thu hồi đất nào*” cũng đã thể hiện là kể từ khi biết thông tin về việc thu hồi đất giải phóng mặt bằng khu đất Công ty A cho đến khi ban hành các quyết định phê duyệt về phương án bồi thường hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi thì ông X không thực hiện việc kê khai đối với nhà, đất và các tài sản có trên ngôi nhà mà ông X được Công ty A cấp.

Từ những căn cứ nói trên, có cơ sở để xác định là thực hiện chủ trương của Tổng công ty về việc cấp căn hộ cho công nhân, Công ty A có cấp cho ông Nguyễn Nhật X 01 căn hộ tại Khu trường 5 để ở và không có thu tiền do căn hộ cấp cho ông X hư hỏng, xuống cấp. Tuy nhiên, sau đó, ông X không sửa chữa và không ở tại vị trí được cấp kể từ khi công ty ký quyết định cấp nhà cho đến khi thực hiện Dự án quy hoạch Khu dân cư mặt bằng tại Công ty A. Phần nhà và đất hiện nay ông X đang khiếu nại tại Dự án quy hoạch Khu dân cư mặt bằng tại Công ty A không thuộc trường hợp sử dụng đất ổn định quy định tại Điều 21 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; không đủ điều kiện cấp GCN theo quy định tại các Điều 100, 101 của Luật đất đai ngày 29/11/2013; không đủ điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại các Điều 74, 75 của Luật đất đai ngày 29/11/2013.

Do đó, QĐ 3326 có nội dung là không chấp nhận khiếu nại của ông X về việc yêu cầu bồi thường và cấp đất tái định cư vì cho rằng ông có nhà, đất tại mặt bằng Công ty A bị thu hồi tại thời điểm thực hiện Dự án khu dân cư là đúng quy định.

[2.3] Xét tính hợp pháp và có căn cứ về nội dung QĐ 9695 và QĐ 301:

Theo Biên bản vi phạm hành chính lập ngày 31/10/2018 thì ông Nguyễn Nhật X đã có hành vi vi phạm hành chính như sau: “*Chiếm một phần lô F4 và lô F5*

Khu dân cư mặt bằng Công ty A thuộc KV 7, phường B, thành phố Q. Hiện trạng: Khung gỗ, vách bao che tole, mái lợp tole kẽm, cao 3,5m, diện tích vi phạm 5,8m x 5,9m = 34,22m². Đã hoàn thành đưa vào sử dụng tháng 6 năm 2016”.

Như nhận định nói trên, phần nhà và đất hiện nay ông X đang khiếu nại tại Dự án quy hoạch Khu dân cư mặt bằng tại Công ty A không đủ điều kiện cấp GCN theo quy định tại các Điều 100, 101 của Luật đất đai ngày 29/11/2013; không đủ điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại các Điều 74, 75 của Luật đất đai ngày 29/11/2013. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai “ *Chiếm đất là việc sử dụng đất mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc việc sử dụng đất do được Nhà nước giao, cho thuê nhưng hết thời hạn giao, cho thuê đất không được Nhà nước gia hạn sử dụng mà không trả lại đất hoặc sử dụng đất khi chưa thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai*” thì hành vi của ông X theo Biên bản vi phạm hành chính lập ngày 31/10/2018 là hành vi chiếm đất, vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Tuy nhiên, do thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm của ông X đã hết nên Chủ tịch UBND thành phố Q đã ban hành QĐ 9695 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra về lĩnh vực đất đai đối với ông X, buộc ông X khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và buộc ông X trả lại đất đã chiếm là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 28, Điều 29, điểm c khoản 1 Điều 65 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; khoản 3 và khoản 5 Điều 10 của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Cũng theo QĐ 9695 thì thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả của ông X là 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định nói trên. Theo Biên bản về việc niêm yết QĐ 9695 (bút lục 281) thì vào ngày 07/12/2018, tại trụ sở khu vực 7, phường B, UBND phường B đã tiến hành niêm yết QĐ 9695 vì UBND phường B đã mời ông X đúng 08 giờ 00 phút ngày 07/12/2018 đến UBND phường B làm việc nhưng ông X không phối hợp và không có lý do. Mặc khác, theo Tờ trình số 09/TTr-UBND ngày 14/01/2019 của UBND phường B thì cho đến ngày 14/01/2019, ông X vẫn chưa thực hiện việc khắc phục hậu quả theo QĐ 9695.

Căn cứ quy định tại các Điều 2 và 3 của Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì QĐ 301 được ban hành đúng quy định.

[2.4]. Xét tính hợp pháp về thẩm quyền ban hành QĐ 3326, QĐ 9695 và QĐ 301:

- QĐ 3326 là quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 trong lĩnh vực quản lý đất đai khi người khiếu nại ông Nguyễn Nhật X không đồng ý với phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 thì ông Phan Cao T – Chức vụ: Nguyên Phó Chủ tịch

UBND tỉnh Bình Định (theo lĩnh vực được phân công, ủy quyền thường xuyên) ký ban hành quyết định nói trên là phù hợp.

- QĐ 9695 là quyết định về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra về lĩnh vực đất đai. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 38 và Điều 54 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 thì ông Nguyễn Công V – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố Q (theo lĩnh vực được phân công, ủy quyền thường xuyên) ký ban hành quyết định nói trên là phù hợp.

- QĐ 301 là quyết định về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra về lĩnh vực đất đai. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 87 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 thì ông Ngô Hoàng N – Chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố Q ký ban hành quyết định nói trên là phù hợp.

[2.5] Xét tính hợp pháp về trình tự, thủ tục, thời hiệu, thời hạn ban hành QĐ 3326, QĐ 9695 và QĐ 301:

- Trình tự, thủ tục, thời hiệu và thời hạn ban hành QĐ 3326 là phù hợp với quy định của Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011.

- Trình tự, thủ tục, thời hiệu và thời hạn ban hành QĐ 9695 và QĐ 301 là phù hợp với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Từ những căn cứ nói trên, QĐ 3326, QĐ 9695 và QĐ 301 được ban hành đúng quy định; do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nhật X về việc yêu cầu Tòa án hủy các quyết định nói trên.

[3] Như nhận định nói trên, QĐ 3326, QĐ 9695 và QĐ 301 được ban hành đúng theo quy định pháp luật; do đó, ông X khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Hội đồng giải phóng mặt bằng phải bồi thường cho ông X số tiền là 85.000.000 đồng là giá trị ngôi nhà mà ông X đã được Công ty A cấp hiện nay đã bị tháo dỡ là không có căn cứ; Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nói trên của ông Nguyễn Nhật X.

[4] Về đề nghị tạm ngừng phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận, bởi lẽ:

[4.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã triệu tập lấy lời khai bà Nguyễn Thị T (vợ của ông X), chị Nguyễn Thị B (con gái ông X); thể hiện qua các biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2019 (bút lục 178, 179) “*Từ trước đến nay, bà Thái sinh sống với con gái tên Nguyễn Thị Bình tại ngôi nhà mà chị Bình được Công ty A giao quyền sử dụng hợp pháp. Ngoài ngôi nhà*

chị Bình được Công ty A giao quyền sử dụng hợp pháp mà bà đang ở chung thì từ trước đến nay bà không sống tại bất kỳ ngôi nhà nào khác”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị Tòa án làm việc với một số người làm chứng khác nhưng không thể hiện cụ thể là làm việc với cá nhân, cơ quan, tổ chức nào. Mặt khác, trong hồ sơ, người bị kiện cũng đã cung cấp Biên bản tổ chức họp dân cư để lấy ý kiến về chỗ ở của ông Nguyễn Nhật X tại Công ty A ngày 23/6/2016 (bút lục 101a), thể hiện là vào ngày 23/6/2016 tại tổ 1 và 11, khu vực 7, phường B, UBND phường B đã tổ chức họp khu dân cư là các hộ dân sống lâu năm kề mặt bằng Công ty A để lấy ý kiến về chỗ ở của ông X tại mặt bằng Công ty A *“Các hộ dân tại các tổ 1, 11 thuộc khu vực 7, phường B (gần kề mặt bằng Công ty A) đã xác nhận là thời gian trước khi thực hiện Dự án khu dân cư, ông X không có ở tại dãy nhà của Công ty A (dãy nhà hiện nay đã được giải phóng mặt bằng, phía sau nhà bà Nguyễn Thị T)”*.

[4.2] Dự án quy hoạch Khu dân cư mặt bằng tại Công ty A triển khai từ năm 2008. Ngày 26/6/2009, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 472/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng khu đất Công ty A tại phường B. Tại thời điểm thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định đã phối hợp với Công ty A và các ngành có liên quan tiến hành triển khai, kiểm kê toàn bộ tài sản bị thiệt hại của Công ty A. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định đã phối hợp với UBND phường B và Công ty A họp dân thông báo cho tất cả những hộ dân có tài sản nằm trong khu đất của Công ty A đến để phổ biến chủ trương chính sách bồi thường và thực hiện kê khai tài sản bị thiệt hại.

Ngày 27/8/2012, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định phối hợp với UBND phường B, Công ty A và 49 hộ dân tiến hành đo đạc diện tích thực tế và kiểm kê tài sản của 49 hộ dân đang sử dụng trên phần của Công ty A đang quản lý để UBND phường B có cơ sở tiến hành xác minh nguồn gốc sử dụng nhà, đất của các hộ *(Trong 49 hộ nêu trên không có hộ ông Nguyễn Nhật X)*

Trên cơ sở xác nhận nguồn gốc nhà, đất, tài sản trên đất của UBND phường B, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định đã lập phương án tính toán bồi thường, hỗ trợ và đã niêm yết công khai danh sách các hộ dân bị thu hồi nhà, đất, tài sản trên được bồi thường, hỗ trợ để có ý kiến phản hồi. Sau đó, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định đã trình phương án bồi thường, hỗ trợ và đã được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 17/4/2013, Quyết định số 3420/QĐ-UBND ngày 18/11/2013, Quyết định số 4588/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 *(Trong suốt quá trình nêu trên, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định không nhận được bất kỳ đơn khiếu nại nào của ông Nguyễn Nhật X)*. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định đã tiến hành niêm yết công khai danh sách các hộ dân bị thu hồi nhà, đất, tài sản được bồi thường, hỗ trợ để có ý kiến phản hồi (bút lục 135, 136). Sau đó, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định đã trình phương án bồi thường, hỗ trợ và đã được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 17/4/2013, Quyết định số 3420/QĐ-UBND ngày 18/11/2013, Quyết định số 4588/QĐ-UBND ngày

31/12/2014 (Trong suốt quá trình nêu trên, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định không nhận được bất kỳ đơn khiếu nại nào của ông Nguyễn Nhật X)

[4.3] Tại Văn bản số 190/TTPTQĐ-BTGPMB ngày 06/5/2021, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định đã xác định giá trị bồi thường đối với một phần dãy nhà kho lợp ngói, nền xi măng, tường gạch quét vôi, cao < 3m nhà cấp N8, diện tích 5,5m x 30m = 165m² là 119.530.000 đồng.

Trong vụ án này, Hội đồng xét xử chỉ xem xét các quyết định hành chính có liên quan đến yêu cầu bồi thường và cấp đất tái định cư vì cho rằng ông có nhà, đất tại mặt bằng Công ty A bị thu hồi tại thời điểm thực hiện Dự án khu dân cư. Căn cứ quy định tại Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính thì Hội đồng xét xử không có thẩm quyền giải quyết đối với khoản tiền bồi thường nói trên. Trong trường hợp có tranh chấp, các bên có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Nhật X thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông X 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009466 ngày 15/01/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính;

- Căn cứ vào quy định của Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

- Căn cứ Điều 2 của Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nhật X về việc yêu cầu để cho ông X được tiếp tục sử dụng đất và nhà do Công ty A đã cấp và ông X tiếp tục được thực hiện các quyền và nghĩa của người sử dụng đất theo quy định vì ông X chưa nhận được quyết định thu hồi đất từ các cơ quan có thẩm quyền.

Ông Nguyễn Nhật X không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đối với yêu cầu nói trên.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nhật X về việc yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính sau:

- Quyết định số 3326/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Nhật X;

- Quyết định số 9695/QĐ-KPHQ ngày 16/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra về lĩnh vực đất đai;

- Quyết định số 301/QĐ-CC ngày 21/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra về lĩnh vực đất đai;

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nhật X về việc yêu cầu Tòa án buộc Hội đồng giải phóng mặt bằng phải bồi thường cho ông X số tiền là 85.000.000 đồng là giá trị ngôi nhà mà ông X đã được Công ty A cấp hiện nay đã bị tháo dỡ.

4. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Nhật X không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông X 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009466 ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê X Hải